

Bản án số: 16/2018/HS-ST  
Ngày 27/7/2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Lại Hùng Hưng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Lê Đình Hưng;

2- Ông Phạm Văn Miên.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2018/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

**Trương Văn Đ**, sinh ngày 10/4/1998, tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: thôn Ia Đ, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q và bà Trương Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 21/02/2013, Trương Văn Đ cùng đồng phạm có hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Ia M, xã Ia D huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau đó bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính;

- Ngày 13/5/2013, có hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ;

- Ngày 25/03/2013, Trương Văn Đh có hành vi Cố ý gây thương tích tại thôn M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 06/5/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ia N ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã.

- Ngày 28/6/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 03 T, thành phố Đà Nẵng;

Ngày 02/7/2015, Trương Văn Đ chấp hành xong Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trở về thôn Ia Đ, xã Ia N, huyện Đ cư trú;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2018 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Anh Phùng Ngọc N, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn Ia N, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt);

2) Cháu Trần Anh T, sinh năm 2001, địa chỉ: thôn Ia Đ, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt);

3) Ông Trần Duy L, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn Ia Đ, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông L (là cha của cháu Trần Anh T) đồng thời là người giám hộ cho cháu Trần Anh T (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1997, địa chỉ: thôn Ia Đ, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- *Người chứng kiến:* ông Trần Quang N, sinh năm 1955, địa chỉ: tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 35 phút ngày 02/01/2018, Trương Văn Đ chơi cùng và Trần Anh T tại khu vực Làng B, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì Đ có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy. Đ nhắn tin bằng điện thoại cho Phùng Ngọc N để mượn 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thì được N đồng ý và hẹn Đ đến Bệnh xá Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) 72 địa chỉ tại thôn Ia T, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để giao tiền (N đang chơi tại đây). Đ mượn xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81U1-194.17 của Trần Anh T và bảo Nguyễn Đình S chở Đ đi ra ngoài đây một chút. Trên đường đi Đ dùng điện thoại để liên lạc với đối tượng tên Ú, sau này Đ mới biết đối tượng Ú này tên thật là “Nguyễn Thị Phương T” ở tại địa bàn xã Ia K để mua ma túy thì được T đồng ý và hẹn đến thôn Thanh G, xã Ia K, huyện Đ để giao ma túy. Khi đi đến ngã ba Kiểm lâm thuộc Làng o, xã Ia D thì Đ chỉ dẫn cho S rẽ vào Bệnh xá Công ty TNHH MTV 72 thuộc thôn Ia T xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, Đ mượn của N số tiền 1.000.000 đồng. Đ tiếp tục bảo S chạy về hướng thôn T, xã Ia K, huyện Đ. Khi đến địa phận thôn T thì T liên lạc lại với Đ và bảo tỷ nữa có người mang ma túy lên. Tại đây, S hỏi Đ “đi đâu đây”, Đ trả lời “đi lấy ít đá về chơi” (tức là đi mua ma túy về sử dụng). Sau đó, Đ và S chờ ở khu vực thôn T, xã Ia K, huyện Đ khoảng 30 phút thì có một người đàn ông không rõ lai lịch sau này Đ khai người này tên “S” (không rõ họ, nơi cư trú, chỉ biết ở thôn T, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) gọi điện thoại cho Đ và hẹn Đ đến Nhà văn hóa – Thông tin huyện Đ thuộc tổ dân phố 2, thị trấn C huyện Đ, tỉnh Gia Lai để giao ma túy. Lúc này, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/01/2018, Đ bảo S chạy đến Nhà văn hóa – Thông tin huyện Đ để lấy ma túy. Khi đến nơi Đ dừng xe, lúc này người đàn ông tên “S” giao ma túy cho Đ cũng đến, Đ đi đến đưa cho S số tiền 1.000.000 đồng, S chỉ dẫn cho Đ chỗ lấy ma túy (để cọc để cột lưới

đánh bóng chuyên). Khi Đ đi vừa lấy ma túy và cầm trên tay đang chuẩn bị đi ra chỗ S đang đợi thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang.

Khi bắt quả tang Công an huyện Đ đã thu giữ: 01 gói ni lon màu trắng được hàn kín các đầu, bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể, nghi là ma túy; 01 điện thoại di động Nokia, màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, BKS: 81U1-194.17.

Tại Kết luận giám định số 82/KLGĐ ngày 10/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong 01 (một) gói nilon trong bì thư niêm phong gửi giám định là chất ma túy, khối lượng 5,2335 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản Cáo trạng số: 11CTr- VKS ngày 05/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trương Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trương Văn Đ đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi mua trái phép chất ma túy để sử dụng như cáo trạng đã nêu. Tuy nhiên theo bị cáo thì với số tiền mua ma túy 1.000.000 đồng thì khối lượng ma túy được nhận sẽ ít hơn so với kết quả giám định. Bị cáo không có khiếu nại gì về việc niêm phong, mở niêm phong mẫu vật nghi là ma túy và Kết luận giám định số 82/KLGĐ ngày 10/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai. Bị cáo cho rằng bị người khác thông đồng, lập kế hoạch để hại bị cáo, và khiếu nại hành vi tố tụng của Điều tra viên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trương Văn Đ từ 5 năm 6 tháng tù đến 6 năm 6 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản nên đề nghị không áp dụng phạt tiền bổ sung.

Về tang vật vụ án, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 5,1341g;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động NOKIA mà Đ đã sử dụng làm phương tiện phạm tội;

Tại phiên tòa, bị cáo không nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, cho rằng hành vi của bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Trong quá trình điều tra, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, bị cáo khiếu nại hành vi tố tụng của Điều tra viên, tuy nhiên, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho khiếu nại của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận khiếu nại của bị cáo. Do đó, có căn cứ để nhận định các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ để nhận định: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/01/2018, Trương Văn Đ có hành vi mua trái phép 01 gói ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng 5,2335 gam tại khu vực Nhà văn hóa – Thông tin huyện Đ thuộc tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để tàng trữ với mục đích sử dụng thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực hành vi đầy đủ. Hành vi của bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy Cáo trạng đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy rằng, Methamphetamine (ma túy đá) là loại chất ma túy gây nghiện hướng thần rất mạnh và rất độc, do Nhà nước độc quyền quản lý. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo người nghiện ma túy, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm khắc nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân không tốt.

Nguyên nhân phạm tội: bị cáo là người nghiện ma túy nên đã mua ma túy tang trữ để sử dụng, để thỏa mãn nhu cầu bản thân thì bị bắt quả tang.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, nguyên nhân phạm tội của bị cáo, cần thiết xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới cải tạo giáo dục được bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm hình sự nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng.

[5] Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Đối với đối tượng tên Nguyễn Thị Phương T, trú tại thôn T, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đ khai T là người bán ma túy cho Đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định T đã bỏ đi khỏi địa phương. Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can đối với T nên không xử lý trong vụ án này.

- Đối với đối tượng giao ma túy cho Đ (Đ khai tên là S). Quá trình điều tra chưa xác định được người này nên không xử lý trong vụ án này.

- Đối với đối tượng Nguyễn Đình S có hành vi dùng xe mô tô do Đ mượn để chở Đ đi mua ma túy về cùng sử dụng. Khi bắt quả tang thì S chưa chở Đ cùng chất ma túy. Do đó, không có cơ sở để xử lý S về hành vi tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.

- Đối với Phùng Ngọc N là người đã cho Đ mượn tiền, sau đó Đ dùng số tiền này mua ma túy. Khi cho mượn tiền, N không biết là Đ dùng tiền để mua ma túy nên không có cơ sở để xử lý N. N không yêu cầu bị cáo trả lại cho N 1.000.000 đồng đã mượn. Do đó, không buộc bị cáo trả cho N 1.000.000 đồng.

- Đối với Trần Anh T là người cho Đ mượn xe để Đ sử dụng vào việc mua trái phép chất ma túy. Khi T cho Đ mượn xe T không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, không có cơ sở để xử lý đối với T.

[6] Ông Trần Duy L là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 81U1-194.17. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe này đi mua ma túy ông L không biết. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Đ trả lại chiếc xe mô tô BKS 81U1-194.17 cho ông L là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: xét đề nghị xử lý vật chứng của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có căn cứ. Do đó, cần thiết xử lý vật chứng của vụ án theo đúng đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản gì. Do đó không cần thiết phải phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn Đ 05 (Năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 02/01/2018.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2018) để bảo đảm thi hành án.

3. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói ma túy loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 5.1341g (Năm phẩy một ngàn ba trăm bốn mươi một gam) (còn lại sau giám định), vỏ bao gói. Toàn bộ được niêm phong trong 01 (một) bì công văn số 82/PC54, ngày 10/01/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, mặt sau có ghi chữ Nokia, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trương Văn Đ chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/7/2018), của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lại Hùng Hưng**

